

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Thực hiện Quyết định số 243/QĐ-BNN-KH ngày 11/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ – CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Để kịp thời triển khai thực hiện kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT và kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và ban hành kế hoạch nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2023, ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Thời tiết không thuận lợi, lượng mưa giảm mạnh so với trung bình nhiều năm, tạo điều kiện cho các loại sâu bệnh mới phát sinh gây hại trên cây trồng; giá thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ở mức cao, sức mua của nền kinh tế giảm nên giá bán không cao, nhiều tháng chăn nuôi lợn bán thấp hơn giá thành, ảnh hưởng đến thu nhập của người dân và tái đàn trong chăn nuôi; diện tích đất nông nghiệp tiếp tục bị thu hẹp do phát triển công nghiệp và đô thị; lực lượng lao động trong nông nghiệp giảm do chuyển dịch sang lĩnh vực khác,... làm cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức. Trước tình hình đó, Sở Nông nghiệp và PTNT luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Nông nghiệp và PTNT; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; luôn bám sát thực tiễn, đổi mới trong tư duy lãnh đạo, đoàn kết, thống nhất, tập trung có trọng tâm, trọng điểm; cùng với sự hỗ trợ của các cấp, các ngành và địa phương; sự chung sức, vượt khó của doanh nghiệp, HTX, bà con nông dân và đồng hành của các cơ quan truyền thông đã tạo sự đồng thuận trong xã hội vượt qua khó khăn, thách thức để duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, toàn diện, nổi bật, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GRDP nông – lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,63%. Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng phát huy

lợi thế và đáp ứng nhu cầu của thị trường; Giá trị sản xuất/01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138 triệu đồng/ha; Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 84,6%; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (QCVN011:2018/BYT) đạt 56,5%; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,8%.

Năm 2024 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm bứt phá thực hiện hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 19 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình kinh tế tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, ảnh hưởng đến thu nhập và sức mua của người tiêu dùng; thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu tiếp tục đặt ra những thách thức lớn; xu hướng bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng, những rào cản mậu dịch tự do ngày càng tăng lên; bốn năm liên tiếp ngành nông nghiệp của tỉnh đều tăng trưởng ở mức cao trong khi không gian phát triển nông nghiệp ngày càng thu hẹp, nhiều nông sản đã đạt trần, lao động nông nghiệp chuyển dịch mạnh sang các ngành kinh tế khác tạo sức ép lớn cho tăng trưởng trong các năm tiếp theo... Những yếu tố trên sẽ tác động đến sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch của UBND tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP nhằm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU

Mục tiêu của ngành năm 2024 là phát triển nền nông nghiệp sinh thái, bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; phát huy lợi thế so sánh địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; chuyển từ sản xuất theo sản lượng sang sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân; tập trung nâng cao chất lượng nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ để mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chuyển đổi số trong nông nghiệp, tiếp tục duy trì và thực hiện cấp mới mã số vùng trồng và số hóa các vùng sản xuất phục vụ xuất khẩu gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm từng bước xây dựng: “*Nông nghiệp sinh thái; nông thôn hiện đại; nông dân thông minh*”, phấn đấu hoàn thành, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%;
2. Sản lượng lương thực có hạt đạt 595.590 tấn;
3. Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138 -140 triệu đồng;
4. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 274,4 nghìn tấn;
5. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 54 nghìn tấn;
6. Trồng rừng tập trung 8.000 ha (rừng phòng hộ và đặc dụng 20ha, rừng sản xuất 7.980ha); Trồng cây phân tán 6,4 triệu cây; Sản lượng gỗ khai thác đạt 01 triệu m³; Tỷ lệ che phủ rừng (không tính diện tích cây ăn quả): 37,7%;

7. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch theo quy chuẩn (QCVN 01-1:2018/BYT) đạt 57,5%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

8. Có thêm 05 xã nông thôn mới, lũy kế 159/182 xã, chiếm 87,36%; có thêm 11 xã nông thôn mới nâng cao (lũy kế 70 xã); có thêm 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu (lũy kế 17 xã); có thêm 72 thôn nông thôn mới kiểu mẫu (lũy kế 431 thôn); có 12 thôn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn; Số tiêu chí nông thôn mới bình quân/xã đạt 17,6 % (tăng 0,3 tiêu chí/xã so với năm 2023).

9. Nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP; năm 2024 có thêm ít nhất 60 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên (lũy kế có 350 sản phẩm); hoàn thiện hồ sơ đủ điều kiện đề nghị trung ương đánh giá, phân hạng cho 02 sản phẩm 5 sao.

10. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP đạt 96,0%; tỷ lệ diện tích rau an toàn sản xuất tiêu chuẩn VietGAP đạt 57,9,0%; tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 60,4%; tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 55,0%; tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 48,0 %; tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 52,0%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành trong phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư; tiếp tục rà soát hoàn thiện các cơ chế chính sách theo kế hoạch đã đăng ký; thực hiện đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

Đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; lấy giá trị sản xuất trên ha đất nông nghiệp và giá trị thu nhập của hộ gia đình làm định hướng chỉ đạo. Xây dựng kế hoạch của ngành; giao nhiệm vụ trọng tâm người đứng đầu cho các đơn vị ngay từ đầu năm 2024; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp. Triển khai Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 5/10/2022 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19 – NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành¹; đồng thời tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung chính

¹ Bao gồm: Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh); Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025 (Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sản xuất giống phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 – 2030 (Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 – 2030 (Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số

sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa tỉnh nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nhất là cơ chế, chính sách hỗ trợ lãi xuất vay vốn tín dụng, hỗ trợ tập trung đất đai, hỗ trợ cơ giới hóa trong nông nghiệp và thủy sản, hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, VietGHAP, GlobalGAP, GACP – WHO, hữu cơ...nhằm phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản (OCOP) theo quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất theo chuỗi giá trị và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tham mưu xây dựng các nội dung trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh năm 2023 như sau: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 47/2022/NQ – HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định mức hỗ trợ một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (2) Quyết định của UBND tỉnh công bố hiện trạng, diện tích rừng tỉnh Bắc Giang năm 2023; (3) Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh; (4) Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (5) Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2024; (6) Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh về phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2024...

2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

44/2020/NQ – HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025 (Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024 – 2025 (Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định một số chính sách thực hiện bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 (Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 -2025 (Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 27/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án “Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025” (Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon đối với gà trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030 (Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025 (Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án Hỗ trợ phát triển cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025 (Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án Xây dựng thí điểm vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao, tập trung quy mô lớn trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2021 - 2026 (Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 5/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án "Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn khu vực Hồ Cẩm Sơn, giai đoạn 2021-2025; (Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 -2030 (Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 27/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang),...

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cơ cấu lại ngành nông nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Mở rộng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến theo các trục sản phẩm "nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh" và "nhóm sản phẩm đặc sản địa phương" (OCOP) nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng, của từng địa phương. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025²; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất, tạo điều kiện thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt:

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Diện tích cây lương thực có hạt 103.900 ha, sản lượng 595.590 tấn; diện tích vải thiều 29.959 ha, sản lượng 160.050 tấn; diện tích cam 3.000 ha, sản lượng 30.500 tấn; diện tích bưởi 5.400 ha, sản lượng 40.500 tấn; diện tích rau các loại 26.640 ha, sản lượng 495.504 tấn (*trong đó: diện tích rau chế biến, rau an toàn là 12.800 ha, sản lượng 253.440 tấn*); Tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 57,9%. Tỷ lệ diện tích thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 60,4%. Giá trị sản xuất/01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138 – 140 triệu đồng/ha. Giá trị sản xuất trồng trọt (*theo giá SS 2010*) đạt 9.400 tỷ đồng, giá trị sản xuất trồng trọt (*theo giá hiện hành*) đạt 16.200 tỷ đồng.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt theo hướng tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm, cây trồng chủ lực phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao (CNC) vào sản xuất; Cơ cấu lại sản xuất theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây ăn quả và cây rau. Tập trung chỉ đạo phát triển cây ăn quả bền vững, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng vải thiều, phấn đấu nâng diện tích vải thiều sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu chiếm 60% tổng diện tích vải thiều cho thu hoạch. Duy trì 292 mã số vùng trồng cây ăn quả đã được cấp, năm 2024 thực hiện cấp mới 30 mã số vùng trồng cho diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói quả tươi để phục vụ xuất khẩu, đặc biệt đối với thị trường Trung Quốc. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy

² Kế hoạch số 685/KH-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang

trình kỹ thuật tiên tiến, cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường sử dụng giống tốt, giống chất lượng cao, phù hợp với vùng sinh thái, kết hợp với các quy trình thâm canh tốt, ứng dụng khoa học, công nghệ, áp dụng cơ giới hóa để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng nhanh giá trị và khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực. Thu hút các doanh nghiệp có năng lực đầu tư, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, sản phẩm chất lượng cho xuất khẩu.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và dự báo, phòng trừ sâu bệnh. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025. Mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình liên kết sản xuất có sự tham gia của doanh nghiệp, HTX. Khuyến khích thành lập các HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác trong sản xuất trồng trọt.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Tổng đàn trâu 29,0 nghìn con; tổng đàn bò 100,0 nghìn con; tổng đàn lợn 900 nghìn con; tổng đàn gia cầm 20,5 triệu con, trong đó đàn gà 17 triệu con. Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 48,0%. Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 52%. Sản lượng thịt hơi các loại 274,4 nghìn tấn. Giá trị chăn nuôi (*theo giá SS 2010*) đạt 10.470 tỷ đồng, giá trị chăn nuôi (*theo giá hiện hành*) đạt 20.200 tỷ đồng.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (trọng tâm là tăng gà lông màu, vịt đẻ trứng) và gia súc ăn cỏ (bò, dê, ngựa); thực hiện các biện pháp đẩy mạnh tái đàn lợn; phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hướng hữu cơ; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, nhất là đối với đàn gà và đàn lợn để hướng đến xuất khẩu chính ngạch. Tập trung cao cho công tác phòng chống dịch động vật, không để dịch lây lan trên diện rộng; phấn đấu sản lượng thịt hơi năm 2024 đạt trên 274,4 nghìn tấn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh cúm gia cầm Niu – cat – xon trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Đề án Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025; Đề án xây dựng thí điểm vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao, tập trung quy mô lớn trên địa bàn huyện Tân Yên, giai đoạn 2021-2026; hỗ trợ

chuỗi liên kết sản xuất chăn nuôi theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 và Nghị quyết số 27/2023/NQ – HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2020/NQ – HĐND ngày 09/12/2020 Quy định chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 -2025.

Tăng cường công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh; tổ chức kiểm soát, ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm, sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ; kiểm tra kiểm soát các cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đặc biệt là sử dụng chất cấm trong chăn nuôi,...Tiếp tục hướng dẫn người chăn nuôi giảm chi phí đầu vào, nâng cao thu nhập.

c) Đối với lĩnh vực thủy sản

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Diện tích nuôi thủy sản 11.800 ha; Tỷ lệ sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 55%. Sản lượng thủy sản 54.000 tấn. Giá trị sản xuất thủy sản (theo giá SS 2010) đạt 1.500 tỷ đồng, giá trị chăn nuôi (theo giá hiện hành) đạt 2.250 tỷ đồng.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lĩnh vực thủy sản, theo hướng cơ cấu lại giống nuôi, đưa các giống có năng suất, giá trị cao vào sản xuất. Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững bảo vệ môi trường sinh thái, gắn phát triển với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Tập trung mở rộng diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi theo hướng VietGAP để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi. Thực hiện tốt việc quản lý các cơ sở sản xuất giống, tăng cường công tác bình tuyển đàn cá bố mẹ; chuyển giao công nghệ sản xuất một số giống thủy sản có giá trị kinh tế cao cho các cơ sở sinh sản nhân tạo trên địa bàn; làm tốt công tác khuyến ngư; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi; phát triển nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao; xây dựng các mô hình nuôi cá an toàn sinh học, nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản và thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Thực hiện có hiệu quả các đề án, chính sách về hỗ trợ phát triển vùng nuôi thủy sản tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP và hạ tầng nuôi thủy sản trên địa bàn.

d) Đối với lĩnh vực Lâm nghiệp

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Trồng rừng tập trung 8.000 ha (rừng phòng hộ, đặc dụng 20 ha, rừng sản xuất 7.980 ha); bảo vệ 160.000 ha rừng; chăm sóc rừng trồng 24.000 ha; trồng cây phân tán 6,4 triệu cây; tỷ lệ che phủ rừng 37,7%; sản lượng gỗ khai thác rừng trồng 01 triệu m³. Giá trị sản xuất lâm nghiệp theo giá SS 2010 đạt 1.300 tỷ đồng, giá trị sản xuất lâm nghiệp theo giá hiện hành đạt 2.300 tỷ đồng.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Thực hiện nghiêm Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp, ngăn chặn tình trạng phá rừng, cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tăng cường lực lượng về cơ sở, không để xảy ra điểm nóng về cháy rừng, phát phá rừng, lấn chiếm đất rừng. Phấn đấu giảm số vụ và diện tích thiệt hại do chặt, phá rừng tự nhiên trái pháp luật so với năm 2023.

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch Tết trồng cây năm Giáp Thìn 2024; thực hiện Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 -2025”, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về Quy định khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất. Tăng cường quản lý giống cây lâm nghiệp, đưa giống mới, nâng cao tỷ lệ giống sản xuất từ công nghệ cấy mô, có năng suất cao vào trồng rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp, hộ gia đình liên kết đầu tư kinh phí trồng rừng thâm canh gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC, phấn đấu năm 2024 cấp chứng chỉ rừng bền vững cho 2.000 ha rừng trên địa bàn tỉnh; Thực hiện điều chỉnh cơ cấu 3 loại rừng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng giảm diện tích rừng sản xuất, giữ ổn định diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ nhưng vẫn đảm bảo phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ; đảm bảo độ che phủ rừng 37,7%; tăng cường quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Phát triển rừng kinh tế bền vững; khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng cây dược liệu và cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên, hỗ trợ làm giàu rừng tự nhiên, phát triển kinh tế dưới tán rừng nâng cao thu nhập và bảo vệ rừng bền vững. Triển khai thực hiện Đề án Phát triển huyện Yên Thế trở thành trung tâm sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang đảm bảo tiến độ, hiệu quả. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, hiện đại trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát hiện sớm cháy rừng, phát phá rừng (Hoàn thành xây dựng Trung tâm giám sát, quản lý bảo vệ rừng).

Tổ chức thực hiện tốt Phương án PCCCR: Chú trọng thực hiện các biện pháp phòng cháy; phát hiện kịp thời, tổ chức chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ, đặc biệt quan tâm công tác PCCCR tại các xã trọng điểm cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh); kịp thời thông tin cảnh báo cháy rừng; huy động lực lượng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương dập lửa khi có cháy rừng xảy ra; đảm bảo an toàn về người và tài sản khi chữa cháy, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ – HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh “*Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ sản xuất giống phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2030*”. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh; triển khai các giải pháp đề tận dụng tối đa cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, công nghệ sinh học... Ưu tiên đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang³, Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 5/10/2022 của Tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; phối hợp với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học...chọn tạo các giống cây, con tốt, mang nét đặc trưng của địa phương để có thể sản xuất các sản phẩm chất lượng cao. Triển khai và thực hiện tốt Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025⁴ để đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học công nghệ. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh tế; thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và môi trường.

5. Phát triển thị trường, đẩy mạnh xúc tiến thương mại; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử để quảng bá, tiếp thị sản phẩm tại thị trường trong và nước ngoài; triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn. Vận dụng có hiệu quả các quy định, chính sách đã được ban hành về xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm và chú trọng thị trường nội địa với gần 100 triệu dân; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm chủ lực; hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng kết nối sản xuất,

³ Kế hoạch số 229/KH – UBND ngày 05/04/2022 của UBND tỉnh

⁴ Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 27/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

chế biến, phân phối và mua, bán sản phẩm để đưa nông sản sạch vào các siêu thị trong và ngoài tỉnh.

Nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh và tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, gia tăng xuất khẩu nông sản có lợi thế của tỉnh vào các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU.... Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường trong bối cảnh hậu quả của đại dịch Covid – 19 còn tác động kéo dài, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm, các thị trường tài chính, tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường ... để tổ chức sản xuất, tiêu thụ hiệu quả.

6. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP

Tăng cường tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất sử dụng các loại phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật, sản xuất quy trình VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; phân đầu năm 2024, giảm lượng thuốc BVTV sử dụng còn 135,64 tấn/năm (*giảm 2% so với năm 2023*) và nâng tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học chiếm 51% (*tương đương 69,2 tấn*). Giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh để nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho nông sản. Triển khai các cơ chế, chính sách, đề án, mô hình sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo quy trình sản xuất tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản đến các hộ sản xuất.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, chỉ thị, Chương trình, kế hoạch hành động về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, thanh tra vật tư nông nghiệp, công tác kiểm dịch thú y, kiểm dịch thực vật; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng hóa chất không đúng quy định trong sản xuất nông nghiệp, các hành vi vận chuyển, buôn bán gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, mang mầm bệnh, giết mổ trái phép trên địa bàn; công bố công khai những tổ chức và cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Triển khai các chương trình giám sát ATTP, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới, gắn kết với phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao đời sống cho dân cư nông thôn

- Chỉ tiêu kế hoạch: Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được/xã (tính lũy kế): 17,6 % (tăng 0,3 tiêu chí/xã so với năm 2023); số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2024 là 05 xã (lũy kế đến hết năm 2024 có 159/182 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, chiếm 87,36%); phấn đấu có thêm 11 xã nông thôn mới nâng cao, lũy kế 70 xã; có thêm 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu, lũy kế 17 xã; có thêm 72 thôn nông thôn mới kiểu mẫu, lũy kế 431 thôn; có 12 thôn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn; Số sản phẩm được công nhận OCOP 3 sao trở lên 60 sản phẩm, lũy kế đến hết năm 2024 có 350 sản phẩm.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

+ *Xây dựng Nông thôn mới*: Phối hợp với các ngành liên quan, các huyện, thành phố đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao; .. Đổi mới nội dung, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Tập trung nguồn lực hỗ trợ, đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Tiếp tục xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững gắn với quá trình đô thị hóa và quá trình sắp xếp các đơn vị hành chính; ưu tiên nguồn lực thực hiện thôn NTM ở các xã đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn. Tập trung hoàn thành giải ngân nguồn vốn giao đúng thời gian (bao gồm cả nguồn vốn chuyển nguồn và nguồn vốn năm 2024).

+ *Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*: Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, mỗi sản phẩm OCOP phải là đại sứ của mỗi địa phương. Thực hiện Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND về quy định chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP, các địa phương rà soát danh mục sản phẩm OCOP có tiềm năng để tập trung hỗ trợ các thủ tục từ vay vốn, đất đai, chuyển đổi số, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm; rà soát thực hiện quy hoạch các vùng nguyên liệu cho phát triển sản phẩm OCOP, gắn vùng nguyên liệu với chế biến sâu và quảng bá tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu năm 2024: Tăng thêm ít nhất 60 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên, lũy kế tối thiểu có 350 sản phẩm.

+ *Phát triển ngành nghề nông thôn*: Tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của BTV Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng khóa

XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, phát triển HTX nông nghiệp gắn liền với sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh và sản phẩm OCOP. Triển khai các chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp như: Tập trung đất đai, hỗ trợ lãi suất vốn vay tín dụng; thu hút lao động trẻ về làm việc tại HTX. Phấn đấu năm 2024 thành lập thêm tối thiểu 20 HTX nông nghiệp; nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp; giảm số HTX nông nghiệp yếu kém, giải quyết tình trạng HTX nông nghiệp hoạt động không hiệu quả, ngừng hoạt động.

8. Nâng cao hiệu quả quản lý các công trình thủy lợi, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và các công trình nước sạch tập trung

- *Chỉ tiêu kế hoạch*: Tưới cho 150.402 ha, trong đó lúa Chiêm Xuân 46.500 ha; lúa mùa 48.600 ha; rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày 51.500 ha; cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm 3.802 ha. Tiêu cho diện tích 136.735 ha; Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch theo quy chuẩn (QCVN 01-1:2018/BYT) đạt 57,5%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- *Nhiệm vụ, giải pháp*

+ **Đẩy mạnh tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi**, trọng tâm là nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp và phục vụ đời sống dân cư; đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm ở nơi có điều kiện tạo ra đột phá về năng suất chất lượng đối với cây trồng cạn.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68/2023/NQ – HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh⁵; thường xuyên kiểm tra, thực hiện duy tu, sửa chữa công trình, phục vụ công tác chống hạn, chống úng đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đê điều; vận hành, điều tiết hệ thống công trình thủy lợi theo đúng quy trình đã được phê duyệt; theo dõi, kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời ngay từ đầu các sự cố có thể xảy ra bảo đảm an toàn công trình phòng chống lũ, bão. Tập trung xử lý các trường hợp vi phạm về đê điều.

+ Triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang và Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai. Nâng cấp hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, đầu tư xây dựng bổ sung hồ đập vừa và nhỏ, trạm bơm đồng bộ với hệ thống kênh mương để tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước và tăng khả năng tiêu thoát nước của hệ thống.

+ Tập trung chỉ đạo thi công các dự án nâng cấp hồ đập, đê điều đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ theo quy định.

+ Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện các sự cố về đê điều, đề xuất các phương án phòng tránh, xử lý khắc phục sự cố; tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi, cập nhật về tình hình mưa, bão, lũ, lốc, các thiên tai khác và đề xuất kịp thời

⁵ Quy định nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh phương án xử lý sự cố các công trình thủy lợi, đê điều và xử lý tình huống, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, đảm bảo sản xuất, đời sống và tính mạng của nhân dân.

+ Tổ chức thực hiện Kết luận của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý tài sản và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh thanh lý đối với những công trình không còn khả năng hoạt động. Tham mưu hoàn thành việc đấu giá tài sản 02 công trình nước sạch trên địa bàn huyện Sơn Động. Phối hợp với UBND huyện Lạng Giang giải quyết dứt điểm kiến nghị của cử tri về việc cấp nước sạch trên địa bàn. Phối hợp với các huyện tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của các công trình nước tập trung, bố trí nguồn vốn để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình đảm bảo hoạt động hiệu quả. Tiếp tục thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình nước sạch theo quy hoạch.

9. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp; Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp:

+ Đổi mới phương pháp đối thoại với các doanh nghiệp để xử lý kịp thời những vướng mắc, bất cập, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch; kịp thời khắc phục những tồn tại trong thu hút đầu tư. Tiếp tục rà soát cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

+ Triển khai thực hiện nghiêm Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14; Luật sửa đổi một số Điều của Luật Đầu tư Công số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư công, quản lý dự án đầu tư xây dựng của Trung ương và của tỉnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án thuộc ngành quản lý đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn tuyệt đối, sớm phát huy hiệu quả đầu tư. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, công tác đấu thầu; tiếp tục siết chặt xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (XDCB); tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến hoạt động đầu tư XDCB.

+ Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Mời gọi các doanh nghiệp có quy mô lớn, thương hiệu mạnh, nâng lực cạnh tranh cao tham gia vào đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh

Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân theo Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường chuyển đổi số; nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng chống tham nhũng; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại tố cáo

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý ngành:

+ *Về cải cách hành chính, hiện đại hóa công sở*: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; Quán triệt trong toàn ngành thực hiện nghiêm túc, hiệu quả phương châm “**3 dám – dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung**”, “**3 hơn – quyết liệt hơn, linh hoạt hơn, hiệu quả hơn**”, “**5 rõ- rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả**” theo Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; Công văn số 1937 – CV/TU ngày 29/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện nghiêm quy định thời gian làm việc và quy định không uống rượu, bia; Chỉ thị số 01/CT – UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ; đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo chuyển biến rõ nét trong các hoạt động của các cơ quan hành chính để có chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như: dự báo, quản lý quy hoạch.

Thường xuyên rà soát, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành gắn với giao nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể cho người đứng đầu. Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, công tác gửi nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số; áp dụng hệ thống ISO, ứng dụng phần mềm, liên thông, chia sẻ dữ liệu, nâng cao hiệu quả trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị trong ngành.

+ *Về củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành; đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức*: Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả theo quy định. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cơ cấu tổ chức và vị trí việc làm theo yêu cầu của UBND tỉnh tại văn bản số 7315/UBND – NC ngày 25/12/2023. Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở vị trí việc làm, số lượng người làm việc, tiêu chuẩn ngạch bậc công chức, chức danh nghề nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý; tăng cường trách nhiệm phối hợp trong công tác. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc

thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành. Đấu mới phương thức, lề lối làm việc; chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trong ngành.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm và quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp.

+ Chủ động triển khai thanh tra, kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật về các lĩnh vực được giao; trọng tâm là vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

+ Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo, giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở.

11. Thực hiện tốt công tác dự báo thống kê; thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

Nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt công tác phối hợp về thống kê và chia sẻ thông tin với Cục Thống kê tỉnh. Phối hợp với các ngành, địa phương để phát triển hệ thống thông tin thị trường hỗ trợ sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách cho phù hợp.

Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 và Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm giai đoạn 2021 -2025. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh hoạt động của ngành; phát hiện, phê bình và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu; biểu dương những gương người tốt, việc làm hay để nhân rộng trong ngành, đưa phong trào thi đua trở thành động lực thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của toàn ngành năm 2024.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị theo phụ lục gửi kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; căn cứ Kế hoạch này ***xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình***, trong đó xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người thực hiện chịu trách nhiệm. Kế hoạch của các đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT **trước ngày 10/02/2024** để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng (*trước ngày 20*), quý (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 15 tháng 6*) và cả năm (*trước ngày 15 tháng 12*), các đơn vị, phòng ban báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên

nhân và các giải pháp thực hiện tiếp theo. Báo cáo của các đơn vị, phòng ban gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua phòng Kế hoạch-Tài chính; Văn phòng Sở) theo địa chỉ: ***khtc_snnptnt@bacgiang.gov.vn*** và ***so_nnptnt_vt@bacgiang.gov.vn*** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Kết quả thực hiện sẽ được xem là một tiêu chí đánh giá người đứng đầu tại các đơn vị.

3. Giao phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Giám đốc Sở, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê ô Pích (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (t/h).
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thi